

Ảnh hưởng của Mo Mường đến quan niệm sống của người Mường Măng xưa và nay

Bùi Văn Niên¹

Nhận ngày 10 tháng 4 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Vũ trụ quan và nhân sinh quan của người Mường trong Mo Mường đã từng được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến từ những năm 40 của thế kỷ XX. Trong đó, sự khác biệt về địa - văn hóa cũng đã tạo ra sự khác biệt về vũ trụ quan và quan niệm sống của người Mường ở những vùng khác nhau. Các nhà nghiên cứu đi trước thường chọn những vùng Mường lớn như Mường Bi, Mường Vang, Mường Thàng, Mường Động làm đối tượng nghiên cứu, còn các vùng Mường nhỏ như Mường Măng, Mường Rậm, Mường Khến thì chưa được quan tâm đến và hầu như còn để ngỏ. Trên cơ sở kết hợp các phương pháp so sánh, điền dã, phân tích, phỏng vấn sâu, đặc biệt là dựa trên tài liệu đã xuất bản về Mo Mường ở Mường Măng, trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu quan niệm của người Mường Măng về vũ trụ và nguồn gốc các loài, qua đó thấy được ảnh hưởng của những quan niệm này đến đời sống đương đại của người dân Mường Măng.

Từ khóa: Mo Mường, Mường Măng, vũ trụ quan, nhân sinh quan.

Phân loại ngành: Văn học

Abstract: The view on universe and human perspective of the Muong in Mo Muong has been mentioned by many researchers since the 1940s. In particular, the difference in geo-culture has also created a difference in the view on universe and life concept of the Muong in different regions. Previous researchers often choose large Muong areas such as Muong Bi, Muong Vang, Muong Thang, Muong Dong to be research subjects, while small Muong regions such as Muong Mang, Muong Ram and Muong Khen have not been paid enough attention to, and such gap remains to study. Using a combination of methods of comparison, fieldwork, analysis, and in-depth interviews, especially based on published documents about Mo Muong in Muong Mang, in this article, we explore the concept of Muong Mang people about the universe and the origin of species, thereby seeing the influence of these concepts on the contemporary life of the Muong Mang people.

Keywords: Mo Muong, Muong Mang, view on universe, view on human life.

Subject classification: Literature

¹ Trường Đại học Đại Nam.
Email: buiniendhcn@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Mường Măng là tên gọi dùng để chỉ vùng Mường từ xa xưa, bao gồm phần lớn vùng đất thuộc xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình và một phần đất thuộc các xã Lạc Lương, Lạc Hưng của huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình ngày nay. Trải qua quá trình phát triển, thay đổi về địa giới hành chính, đến lần điều chỉnh gần đây nhất (năm 1999), vùng đất Mường Măng có địa bàn phần lớn thuộc khu vực xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hưng Thi, 2012). Kết quả nghiên cứu khảo cổ học cho thấy, Mường Măng nằm trong vùng Văn hóa Hòa Bình và ngay cạnh những di chỉ cổ xưa của các xã Phú Lão, Phú Thành, Khoan Dụ. Những hiện vật thuộc thời đại kim khí nổi bật như trống đồng đã được tìm thấy ở vùng đất này. Cũng theo thư tịch lịch sử, Hưng Thi là một phần lãnh thổ của vùng Giao Chỉ, đến thời thuộc Đường, vùng đất này có tên gọi là Thường Châu. Qua các mốc thời gian năm 968 dưới triều đại vua Đinh Tiên Hoàng và đến cuối thế kỷ XII, vùng đất này lần lượt có các tên gọi là Trường An và châu Đại Hoàng. Đến năm 1831, triều đình nhà Nguyễn dưới sự trị vì của vua Minh Mệnh đã thay đổi nhiều địa giới hành chính và xã Hưng Thi lúc này thuộc về vùng An Hóa, Ninh Bình. Đặc biệt, với chính sách chia để trị khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, Hưng Thi trải qua nhiều biến động và thay đổi theo sự thay đổi của tỉnh Mường (thành lập năm 1886). Cho đến năm 1896, tỉnh Mường chính thức đổi tên thành tỉnh Hòa Bình. Từ đó đến nay, vùng đất Mường Măng nằm hoàn toàn trong địa phận của tỉnh Hòa Bình.

Có thể nói, xã Hưng Thi là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Mường và Mo Mường ở Mường Măng (gọi tắt là Mo Mường), văn hoá nơi đây được xem là “bách khoa thư dân gian”, trong đó chứa đựng và tái hiện một cách sống động toàn bộ đời sống văn hóa tộc người. Mo là một nghi lễ không thể thiếu trong đám tang của người Mường nói chung và người Mường Măng nói riêng. Đây là một trong những nghi lễ quan trọng nhằm đưa tiền linh hồn người chết về thế giới bên kia (Mường Ma). Thông qua Mo, người sống có cơ hội được tỏ bày lòng biết ơn đối với người đã khuất. Sâu hơn, diễn xướng Mo còn là một hoạt động có tính thiêng để người Mường hồi tưởng và suy tư về nguồn gốc của tộc người, song song với việc trình bày một vũ trụ quan đậm chất triết học và tôn giáo sơ khai về vạn vật trong đời sống.

Trong lần đi điền dã tại Mường Măng vào năm 2013, chúng tôi được thầy Mo Bùi Đức Trị, người vừa hoàn thành việc ghi chép lại toàn bộ áng mo đồ sộ của người Mường Măng nhấn mạnh thông qua những bằng chứng thuyết phục được rút ra từ những bài mo rằng: “Mo Mường bắt đầu từ Mường Măng” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.18-19). Bị thu hút bởi luận điểm quan trọng này và mong muốn hiểu sâu hơn giá trị của Mo Mường trong việc tái hiện lịch sử, xã hội người Mường, trong một dịp điền dã thực địa vào năm 2019 ở Mường Vò, chúng tôi đã có dịp phỏng vấn thầy Mo Bùi Văn Cường. Qua lời kể của thầy Mo Cường và di bút của thầy Mo Bùi Đức Trị, có thể tóm lược lại giá trị của Mo Mường trong những vấn đề quan trọng sau.

Lịch sử của tộc người Mường khởi thủy từ thuở hỗn mang. Khi ấy, có con chim Chào Nang quàng phải mạng nhện và đất trời dính vào nhau. Sau đó, chí Thằng The và Theng Thông đã dùng mỗi người hai chiếc gậy để chống trời và tách đất. Chính hai vị thần cũng tự mình đi gieo các loại quả. Lịch sử con người bắt đầu từ sự kiện con người chui ra khỏi

trứng chim *Âl* (chim thần được kể đến trong *Mo Mường*). Từ đó, hàng loạt các sự kiện tiếp nối nhau được *Mo* mô tả như rước lang, lấy vợ làm nhà cho lang, rước nhân vật *Càn Khương* ra làm vua, đánh giặc *Cun Bu Bướm Bạc*, thăm *Chu*, chặt *Chu*, kéo *Chu*, dựng đền.

Có thể thấy, *Mo Mường* tái hiện toàn bộ trật tự vũ trụ từ thuở hỗn mang cũng như phác thảo lại lịch sử xã hội người Mường từ khi khởi thủy. Những giá trị độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa và triết học nguyên thủy của tộc người đã khiến *Mo Mường* trở thành “bách khoa thư” về một nền văn hóa cổ vẫn còn tồn tại sống động trong xã hội ngày nay. Bài viết nghiên cứu quan niệm của người Mường Măng về sự hình thành và biến đổi của vũ trụ, nguồn gốc các loài, về con người; qua đó thấy được ảnh hưởng của những quan niệm này đến đời sống đương đại của người dân Mường Măng.

2. Về vũ trụ quan

2.1. Sự hình thành của đất, trời

Mo Để đất để nước của người Mường Măng kể lại, thuở sơ khai, trời đất còn hỗn mang chưa phân tách, mọi vật còn hòa quyện vào nhau, chưa có tháng ngày và vạn vật, chưa có người lo liệu mọi công việc. Sự việc đó được người Mường Măng kể lại như sau: “Ngày xưa ngày xưa/ Chưa có công đất bồi loi/ Chưa có công trời bồi loi bồi lạng/ Chưa có công tháng công năm/ Chưa có mừng một ngày rằm năm đầy năm to tháng đủ/ Chưa có mừng một ngày rằm năm đầy năm to tháng thiếu/ Chưa có người lo người liệu đồ giường đồng chi” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.119-120).

Theo lời kể trong *Mo Mường* thì trời đất, con người và vạn vật trên trái đất không phải tự nhiên đã có như bây giờ mà được tạo nên bởi tác động của một thế lực “thần thánh”. Cụ thể là: Ngày xưa có con chim *Chào Nang* lấy mạng nhện để dính trời đất vào với nhau. Lúc đó đường đi còn chưa được bằng lá giang, lối lại còn chưa được bằng lá buong, chưa có đạo đức lễ nghĩa. Thấy vậy ông trời cử nhiều vị thần hạ phàm để tạo đất tạo nước. Vị đầu tiên được cử ra là thần *Cháo Rẹ* nhưng vị thần này từ chối. Sau đó trời cử cột *Chu Đồng* ra tạo đất, cột *Chu Đồng* không tạo được đất. Cuối cùng thần *Cun Khọ* đồng ý để tạo đất tạo nước. Đầu tiên ông tạo nên đất với nước. Sau đó ông tạo thành những bãi đất bằng phẳng dùng làm nơi canh tác: “Tạo nên bừa (để trồng) rau cải/ Tạo nên bãi (để trồng) rau lang/ Tạo nên vườn (để trồng) rau dền” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.121).

Tuy đã có bãi, có ruộng nhưng lúc này trời đất vẫn còn dính vào nhau nên vẫn chưa có sự sống trên mặt đất. Cho đến một hôm có hai vị thần *Theng Thẻ* và *Theng Thông* ra chống trời đất lên thì lúc đó trời mới tách rời đất như bây giờ: “Chí *Theng Thẻ* nó có đôi néo đồng/ Chí *Theng Thông* nó có đôi néo sắt/ Nó chống tách con trời lên cao đã nên lộ lộ” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.121).

Như vậy, theo lời kể trong *Mo Mường*, *Theng Thẻ* và *Theng Thông* là hai vị thần đã có công dùng gậy đồng và gậy sắt để chống trời đất tách khỏi nhau tạo nên vị trí như bây giờ. Kể từ đó trời đất đã được phân tách. Tuy nhiên, vẫn chưa có tháng có năm, chưa định ngày rằm, ngày lễ. Bởi vậy, *Ngọc Hoàng* đã tiếp tục cử thần *Trượng Khả* xuống chia vùng đất

duyên gian ra làm mười hai vùng, chia nước ra làm mười hai khe. Ông chia một năm ra làm mười hai tháng. Một tháng có ba mươi ngày. Từ đó, ông định ra mùa một ngày rằm và năm đầy năm thiếu. Xong xuôi, Trương Khả cắt cử các vị thần khác đi lo liệu việc ở thế gian. Theo đó, chỉ Theng Thê đi gieo những loại hoa ở trên trái đất, chỉ Theng Thông đi gieo những loại quả. Gieo đến đâu hai vị thần đặt tên cho các loại hoa quả đến đó. Như vậy, theo tích này thì tên của các loại hoa quả không phải do người phàm đặt ra mà là được các vị thần tiên đặt. Thuở xưa, các loại hoa quả chỉ có một cách gọi riêng. Dần dần, phần do chưa có sách ghi lại, phần do tiếng nói mỗi vùng Mường có nét khác biệt nên có nhiều trường hợp cùng một loại hoa quả lại có nhiều cách gọi khác nhau ở mỗi vùng miền.

Sau khi gieo khắp từ vùng đồi núi đến vùng đồng bằng chỉ Theng Thông và Theng Thê còn để sót một hạt tốt nhất ném vào trước cửa nhà Dạ Rạch Dạ Rềng Dạ Theng Dạ Đê. Đến độ khoảng “tháng tư trở lại tháng hai độ đi” trời gieo mưa xuống thì cây si mọc lên. Cây si cao lớn nhanh chóng và che khuất hết nhà của bà Dạ Rạch Dạ Rềng Dạ Theng Dạ Đê, khiến bà không những không nhìn thấy ánh mặt trời mà còn không thể phơi phóng các thứ cho khô. Lúc đó bà mới tức giận mà cầu xin trời làm cho cây si chết đi. Nghe lời cầu khẩn của bà, trời đã làm một cơn mưa nước độc và thả bầy sâu xuống để ăn chết cây si. Cây si chết được một thời gian thì cành bị mục ruỗng và đổ đi khắp nơi. Chính sự đổ gãy này là nguồn gốc để tạo nên các Mường. Lần lượt các Mường khác nhau được hình thành. *Mo Đê đất đẻ nước* kể lại quá trình hình thành đó như sau: “Gãy một cành về đất rừng Mường Rợ đã tạo nên đất rừng Mường Rợ/ Gãy một cành về đất chợ đồng bằng đã tạo nên đất chợ đồng bằng.../ Cành cây si này gãy về mường nào đã tạo nên cái cuông mường đó/ Còn cành cao bóng già già cao nga lộ lộ gãy về đất Cun Ống mường/ Cun An hóa thành cây chu đồng bông thau lá thiếc” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.129).

Như vậy, các vùng Mường đều được sinh ra từ chung một gốc là cây si. Do mỗi cành có một đặc điểm khác nhau mà mỗi vùng Mường cũng có sự khác nhau cơ bản trong lối sống sinh hoạt và tập tục văn hóa.

Dựa vào những lời *Mo* trên, có thể thấy, trong quan niệm về vũ trụ, người Mường Măng không đề cập đến việc trời hay đất sinh ra trước, mà đất và trời được tạo ra cùng lúc bởi một vị thần có tên là Cun Khô. Theo cách lí giải này, ta thấy rằng, người Mường Măng không đặt nặng quan niệm tìm hiểu xem trời làm anh hay đất làm anh. Đây là một quan niệm về sự hài hòa giữa hai mặt âm - dương, hai yếu tố xuất hiện đồng thời này cùng hợp nhau lại để tạo thành một cặp. Đây là một trong những quan niệm rất sớm mà ẩn chứa trong nó sự mạnh mẽ của triết học. Vấn đề âm - dương trong quan niệm của người Mường cũng đã từng được đề cập đến trong công trình *Bản sắc văn hóa Mường cổ truyền và xu hướng biến đổi hiện nay (qua khảo sát văn hóa Mường ở tỉnh Hòa Bình)* (đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ). Trong công trình này, các tác giả đã chỉ ra rằng: “Mường Trời và Mường Pura (bao gồm cả Mường Pura Tịn) là cặp đối lập âm - dương lớn nhất” (Lương Quỳnh Khuê, 2007, tr.44-45). Tuy nhiên, *Mo Mường* cũng mô tả rằng, ở buổi sơ khai thì trời và đất chưa trụ vững được như bây giờ. Dưới tác động của con chim Chào Nang quàng phải màng nhện đã làm cho trời đất dính vào nhau. Theo đó, ngay cả trời đất, những thực thể mà chúng ta coi là vĩnh hằng thì ngay từ thuở nguyên sơ trong quan niệm của người Mường Măng cũng chứa đựng những bất ổn. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến quan niệm của người Mường Măng sau này về thuở sơ khai của con người. Họ nói rằng,

nhờ có hai vị thần Theng Thê và Theng Thông dùng hai chiếc gậy bằng đồng và hai chiếc gậy bằng sắt để chống trời lên cao, dần tách trời ra khỏi đất. Bốn chiếc gậy đủ để làm cho trời có thể đứng vững ở trên không trung. Đồng và sắt được coi là hai chất liệu cứng và bền vững nhất trong quan niệm của người Mường Măng thời xưa. Vì vậy, nó đã được dân gian chọn làm vật để chống đỡ thứ vĩnh cửu là trời. Cũng từ quan niệm này, khi xây dựng bất cứ công trình gì, từ những công trình to lớn như đình, chùa đến những công trình bé nhỏ như nhà thổ công, người Mường Măng cũng đều sử dụng đến bốn cột trụ chính, tiêu biểu là kết cấu nhà sàn của người Mường. Tùy theo điều kiện và nhu cầu sinh hoạt mà mỗi ngôi nhà sàn được dựng bởi số cột khác nhau. Nhưng về cơ bản thì nhà sàn của người Mường đều phải có bốn cột trụ chính gọi là bốn cột cái. Bốn cột cái này quyết định đến sự sống còn của ngôi nhà. Một cột bị gãy thì cả ngôi nhà sẽ gãy đổ hoặc bị biến dạng theo.

Cũng theo vũ trụ quan của người Mường Măng, bởi được chống lên nên trời ở phía trên còn đất ở phía dưới. Tuy cách xa nhau nhưng đất với trời vẫn có sự liên hệ với nhau bởi bốn cột trụ. Trời ở trên bao phủ, chiếu rọi làm cho mặt đất trở nên lung linh đầy sức sống. Đất ở dưới làm nền tảng vững chắc để trời có thể đứng vững. Trên thực tế, quan niệm về sự hình thành và biến đổi của vũ trụ vẫn hiện hữu và chi phối đến đời sống của người dân Mường Măng. Sự chi phối đó được biểu hiện ở chính cách ứng xử của người Mường Măng với hai thế lực mà họ cho là tối thượng: trời - đất. Điều này thậm chí còn biểu hiện ngay cả trong nghi lễ đám tang của người Mường. Trong nghi lễ này, linh hồn người chết sẽ được đưa đi nhìn Mường Trời trước khi trở về với thế giới Mường Ma.

Quan niệm về vũ trụ trong Mo Mường đã dần ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, lối ứng xử của người Mường Măng ngày nay. Trong đó, nổi bật và xuyên suốt hơn cả là tư tưởng tôn trọng thiên nhiên của người Mường. Quan niệm con người sinh ra từ rừng (cây si) đã khiến cho các thế hệ người Mường có niềm tin tuyệt đối vào sự che chở của “mẹ” rừng. Chính vì vậy, việc bảo vệ rừng, giúp rừng giữ được sự trù phú là một trong những mong muốn của người Mường. Thái độ ứng xử với thiên nhiên đã được các thế hệ người Mường đi trước truyền lại cho các thế hệ sau thông qua Mo Mường.

2.2. Sự hình thành của muôn loài

Theo lời kể của Mo *Đẻ đất đẻ nước* thì các vùng Mường và các vùng đất đều được sinh ra bởi các cành của cây si. Trong quá khứ, không chỉ người Mường mà nhiều tộc người khác nhau cũng có quan niệm về nguồn gốc tộc người là được sinh ra từ cây. Những câu chuyện về việc con người sinh ra từ cây thường được lưu truyền dưới dạng thần thoại hoặc sử thi. Chẳng hạn, sử thi Đam Săn của người Ê-đê kể về một loài cây không thấy gốc, không thấy ngọn. Đó là cây sinh ra Hơ Nhị, Hơ Bhi. Đó là cây smuk ở phía đông nhà, cây blang ở phía tây hiên. Chính cây này cũng là cây sinh ra ông bà xa xưa. Hay trong thần thoại của người Cơ Ho, xương của người được tạo từ vỏ của cây đa, mạch máu của người được tạo thành từ những thớ dai của cây đa, dòng sữa nuôi nấng người chảy từ nhựa đa. Vì thế, trong quan niệm của tộc người này, cây đa được coi là vật tổ của họ. Còn người Khơ-mú lại có họ Cut (rau dớn), người Hoa, Hmông có họ Lê/ Li, Đào/ Thảo.

Trong quan niệm tâm linh của người Mường, con người sinh ra từ cây và vì thế, khi họ chết, xác nhập vào bên trong thân cây. Đó là chu trình người - thực vật, là quan niệm về

thế giới. Vì cấu tạo và đặc điểm của mỗi cảnh có sự khác nhau mà các vùng đất vùng Mường cũng có cấu tạo khác nhau. Theo đó, cảnh si nào mập mạp, cứng khỏe, vươn dài sẽ tạo ra những vùng đất phì nhiêu. Cảnh si nào gồ ghề thì sẽ tạo ra vùng đất đồi núi. Cảnh si nào mới một thì sẽ tạo ra những vùng đất lồi, đất lõm. Cảnh si nào rộng thì tạo vùng đất rộng. Cảnh si nào bé nhỏ thì chỉ tạo ra vùng đất chật hẹp. Đó cũng là cách lí giải về sự mất cân bằng của tạo hóa. Người Mường Măng quan niệm không có thứ gì là công bằng và đạt đến sự hoàn hảo tuyệt đối. Sự khác nhau đó đã quy định đến lối sống, nếp sinh hoạt của người dân ở các vùng Mường. Do quy định bởi vị trí địa lí mà mỗi vùng Mường lại có một giọng nói khác nhau nên cách kiêng kỵ cũng có phần khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản thì người Mường ở các vùng miền cũng có nhiều điểm chung như: các tập tục, lễ nghi về ma chay, cưới hỏi hay ngày lễ, ngày tết. Vì vậy, một người từ Mường này chuyển đến Mường khác sinh sống thì chỉ một thời gian rất nhanh sẽ sớm hòa nhập được với người dân bản địa. Cho rằng nguồn gốc của đất Mường được sinh ra từ cây si nên người Mường Măng rất quý trọng và tôn sùng cây si. Cây si là một trong những loại cây không bị con người (Mường) đốn hạ để dùng vào mục đích dựng lều trại hay nhà cửa. Cây si mọc ra ở đâu thì dân Mường để nó mọc lên và lớn thành cây cổ thụ ở đó. Cũng vì vậy mà ở mỗi vùng Mường đều có một hoặc một vài cây si cổ thụ. Có những cây si mà đến những cụ cao niên trong làng cũng không biết mọc từ bao giờ. Nhiều vùng còn quan niệm cây si là linh hồn của làng. Nhiều người kể lại rằng, mỗi khi cây si bị trời đánh gãy một cành ở hướng nào thì đó là một điềm xấu đã được báo trước cho người dân sống ở hướng đó. Nếu cây si bị bật gốc rễ mà đổ xuống thì vận hạn của làng đó sẽ gặp điều chẳng lành. Bởi vậy, cây si vừa được tôn sùng cùng với nguồn gốc sinh trưởng người Mường, lại vừa được coi như là một đấng tối cao có năng lực bảo vệ cho dân làng. Quan niệm này ở người Mường có phần gần gũi với quan niệm của người Kinh trong câu thành ngữ “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề” với hàm ý coi chúng là loài cây thiêng.

Sự hình thành con người trong Mo Mường ở Mường Măng vừa có những nét tương đồng so với các vùng Mường khác, vừa có những nét riêng mang đậm chất văn hóa Mường Măng.

Mo *Đẻ đất đẻ nước* trong Mo Mường kể lại sự hình thành các loài theo một trật tự logic, nhất quán. Theo đó, sau khi cây si đồng chết, cành cây si đổ đi các hướng hình thành nên các vùng Mường và vùng đất. Còn mất cây si hóa thành “Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Ấa”. Năm diễn ra hội đình Lùng “Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Ấa” rủ nhau đi xem. Đến đó chúng còn thấy con đa ma, con khệnh có những cử chỉ ân ái giữa con đực và con cái. “Thấy nó cắn tập cắn tụ/ Tụ tập tụ tuần luôn lên luôn xuống/ Một lần con cái ở dưới/ Chín lần con đực ở trên” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.134).

Thấy vậy “Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Ấa” về nhà trong lúc buồn tẻ đã bắt chước làm theo “chí đa ma khệnh khệnh”. Một thời gian sau, Bà Nàng Chim Ấy Cái Ấa thấy tức ở trong bụng nhưng không biết lí do làm sao liền bay đến khóc với “Dạ Tâm đào củ Dạ Tú đào ón”. Nghe chim kể Dạ bảo đó là công đê và dặn đôi chim bay về cây gạo lớn để làm tổ ấp trứng. Chim nghe lời bay về cây gạo làm tổ. Thế nhưng gió làm đổ cây gạo làm cho tổ chim bị vỡ và trứng rơi hết xuống ruộng. Lúc này “Trống Chim Ấy

Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Úa” lại đến để khóc với “Dạ Tâm đào củ Dạ Tú đào ón”. Dạ dặn đôi chim bay về đá “Lài Vàng Hang Ma Trứng Đięng” đục làm lỗ để làm chỗ ấp trứng đựng con. Nghe xong Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Úa bay về đá Lài Vàng Hang Ma Trứng Đięng đục lỗ vuông chín thước rồi lấy “cỏ gianh cỏ gióng” lót lên làm tổ để trứng. Từ đó chúng có chỗ bền chắc để đẻ và ấp trứng. Sau khi làm tổ xong con mái bay vào đẻ và ấp trứng, con trống bay đi kiếm mồi. Một thời gian sau mỗi trứng chim thần đẻ ra một loại động vật trên thế gian. “Giờ tốt nó mới theng/ Giờ lành nó mới đẻ/ Đẻ bấy nhiêu trứng ra bấy nhiêu ma/ Đẻ bao nhiêu trứng đã thành bao nhiêu đồng nhiều cái ngài hời/ Đẻ một trứng đen đen thành công con ác/ Đẻ một trứng bạc bạc thành công con trâu/ Đẻ một trứng nâu nâu thành công con bò/ Đẻ một trứng đỏ đỏ thành công con trai/ Đẻ một trứng dài dài thành công con rắn” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.143-144).

Sau khi đẻ hết các loại động vật thì còn lại một trứng cuối cùng đôi chim không thể nào ấp được. Con trống bay vào ấp thì trụi hết lông đầu. Con mái bay vào ấp thì đỏ hết lông bụng. Không còn cách nào “Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Úa” đành đi nhờ chim bìm bịp về ấp hộ. Tuy nhiên, chim bìm bịp trả lời rằng, còn bận đi ăn đồng ruộng, còn bận đi ăn trên đồi nên không đến ấp trứng được. Không còn cách nào khác “Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Úa” lại đi khóc với “Dạ Tâm đào củ Dạ Tú đào ón”. Dạ nghe thấy và bảo: “Chúng bay lấy chân mà đào đi/ Lấy mỏ mà đào lại/ Đào từ dưới mà lên/ Đào từ trên mà xuống/ Đào từ trong mà ra/ Đào từ ngoài mà vào/ Ấp trứng đã thành te te/ Đẻ trứng đã thành thánh thánh/ Lấy cánh mà che ra cho khỏi nước cùng sương nó làm ướt hết trứng/ Cái mái bay vào ấp tổ/ Cái trống bay đi công mồi có đôi mà ấp trứng bay ơi” (Bùi Văn Niên - sưu tầm, 2020, tr.149).

Nghe xong, Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Úa quay về tổ làm theo. Một thời gian sau, quả trứng kì dị đó nở ra con chim sẻ và con người. Đầu tiên đẻ ra con chim sẻ. Theo quan niệm của người Mường Măng, con người được sinh ra từ quả trứng kì dị của Trống Chim Ấy Cái Ang Bà Nàng Chim Ấy Cái Úa. Cũng theo đó, con người sinh ra đã mặc nhiên chịu sự chi phối của số phận. Nghĩa là cuộc sống của con người sau này là sung sướng, hạnh phúc hay khổ đau bất hạnh là điều đã được định từ trước. Từ đó con người đã nắm bắt được và biết dựa vào các nguồn lực tự nhiên để sinh sống, tồn tại và phát triển.

Quan niệm con người và loài vật có chung nguồn gốc (cây si) đã chi phối mạnh mẽ đến suy nghĩ và lối sống của người dân Mường Măng, ngay cả ở trong giai đoạn hiện tại. Thực tế cho thấy, người Mường Măng ngày nay vẫn còn giữ nhiều nghi lễ thể hiện sự tôn trọng với động vật. Có nhiều nghi lễ đã trở thành “liều thuốc tâm linh” cho con người như lễ làm *vái kéo khi* (vía kéo si), lễ *khôông nhà* (làm sạch nhà cửa). Những nghi lễ này là biểu hiện rõ nhất về sự ảnh hưởng của quan niệm nguồn gốc các loài đến cách ứng xử của người Mường. Ở đó, các loài (cây, con) có những sự gắn kết nhất định với cuộc sống của con người. Chẳng hạn, cây si được xem là cây trú ngụ của vía người, hay khi con thú chạy vào nhà là tín hiệu báo trước cho gia chủ về những điềm xấu. Lối suy nghĩ đó đã khiến cho cách ứng xử với các loài của người Mường trở nên thân thiện hơn.

3. Về nhân sinh quan

Xuất phát từ quan niệm về việc cùng chung nguồn cội, người dân Mường Măng từ xa xưa đã có tinh thần tương trợ lẫn nhau. Từ sự chở che đùm bọc mà đã có bao nhiêu *cái lệ* được đặt ra và đưa vào hương ước để trở thành quy định của làng xóm. Quy định về đám hiếu cũng được xác lập theo chiều hướng đó. Nếu như ở thời xưa, khi nhà lang có đám tang thì mọi người dân trong mường đều phải kéo đến để lo gánh vác mọi việc từ nhỏ đến lớn (như đã nói trên), thì giờ đây khi một nhà trong làng có người chết thì toàn thể dân làng phải đến giúp nhà có tang lo toan mọi công việc. Lúc đó, mọi việc sẽ được quyết định bởi vị trưởng họ hoặc chủ gia đình có đám hiếu. Tuy nhiên, mọi công việc thực thi đều có ban tang lễ và dân làng giúp đỡ. Những người thân của người chết sẽ mặc áo trắng (gọi là cháu con áo trắng) và không phải làm công việc gì mà chỉ tập trung vào việc lễ lạt, đốt hương và cảm tạ người làng đến viếng. Mỗi một gia đình trong xóm khi ấy đều cử một người đến để giúp lo toan công việc (gọi là đi việc làng) và mang theo đồ đạc, vật phẩm để giúp đỡ nhà có tang. Thuở xưa, do điều kiện kinh tế khó khăn nên người làng thường đóng góp bát gạo, chai rượu và một bó củi. Không chỉ cử người đi việc làng, mỗi gia đình còn cử một người khác đi viếng để chia buồn cùng gia đình. Khi khiêng quan tài đi chôn thì tất cả các nhà dân đều phải có một người đến để khiêng. Số còn lại thì đi theo sau để tiễn đưa người quá cố về “nhà rừng”. Sau khi ông vải đã mỗ yên mả đẹp thì gia chủ mới sắm một “bữa cơm nhạt” để cảm tạ dân làng đã đến giúp chu toàn công việc. Quy ước đó không biết có từ bao giờ nhưng đến nay vẫn được duy trì và được xem như là một nét đẹp mang đậm bản sắc văn hóa tộc người của cộng đồng người Mường ở Mường Măng.

Quan niệm về một nguồn cội chung còn biểu hiện rõ nét thông qua việc cưới xin của người dân Mường Măng. Thuở xưa, do điều kiện kinh tế khó khăn, mỗi gia đình người Mường Măng cũng không thể tự lo được đám cưới cho con cháu. Vì vậy, khi gia đình nào chuẩn bị tính đến chuyện dựng vợ gả chồng thì ngoài việc tự chuẩn bị, họ còn phải đi nhờ sự giúp đỡ của anh em xóm giềng. Biết được điều đó, các gia đình trong Mường sẽ thu xếp để giúp đỡ cho gia đình sắp có đám cưới. Mỗi người một ít góp lại đến lúc nào nhà có đám cưới gom được số lượng đủ dùng thì đánh tiếng cảm ơn dân làng và không nhận giúp nữa. Đến ngày tổ chức đám cưới, các gia đình người Mường Măng tự nguyện đến để giúp nhà có đám cưới lo toan công việc. Các cụ già cả trong làng đều được mời đến ngủ chơi để cùng đón dâu rể mới, mọi người đều gọi các cụ bằng một từ rất thân thiết là các mẹ (danh từ chung chỉ người sinh ra con cái); tầng lớp trung niên thì đứng ở cửa để chào đón khách đến chúc mừng; người có vai vế trong họ hoặc trưởng nam trong gia đình sẽ được cất cử đi mời cơm mời rượu; lứa thanh niên trai gái cũng đến để lo chuyện nấu nướng cơm nước. Cứ như vậy, hết gia đình nhà này đến gia đình nhà khác, truyền từ đời này qua đời khác mà thành tục.

Biểu hiện tiếp theo của ý thức cội nguồn và sự đoàn kết gắn bó của người dân Mường Măng được thể hiện trong việc dựng nhà dựng cửa. Cũng giống như những vùng Mường khác, nhà ở của người Mường Măng thời xưa là nhà sàn. Thường thì mỗi gia đình sẽ chọn một quả đồi để dựng nhà theo thế dựa lưng vào đồi để đón nhận không khí trong lành và tiện cho việc lấy nước, đi nương đi rẫy... Thuở kinh tế còn khó khăn, các phương tiện hỗ trợ việc dựng nhà dựng cửa còn thấp kém, việc dựng nhà dựng cửa dựa chủ yếu vào sức

người nên có những ngôi nhà sàn làm công phu phải mất từ một đến vài tháng với rất nhiều nhân công. Những ngôi nhà được làm bằng gỗ tốt như: đinh, lim, sến, táu, dổi, tre, bương... vẫn còn tồn tại được đến bây giờ. Điều đáng nói là, trong suốt quá trình làm nhà, gia chủ cũng không phải thuê mà người dân biết được sẽ tự đến để làm giúp. Khi ấy, nhà nào muốn làm nhà thì chỉ phải nuôi nhiều lợn gà, dự trữ nhiều lúa gạo, khoai sắn để chuẩn bị cho người làng đến giúp ăn vào buổi trưa và tối. Dân làng bắt đầu đến giúp từ những việc như: đi lên đồi đốn gỗ kéo về làm cột, chặt kèo tre nứa và chuẩn bị mọi nguyên vật liệu để mang về, đến khi chuẩn bị dựng nhà ngâm gỗ, tre, nứa một thời gian dưới nước để chống mối mọt. Đến ngày đẹp, làm lễ hạ thổ thì dân làng lại tập trung đến để giúp dựng nhà. Tùy vào ngôi nhà đó dựng lớn hay nhỏ, cầu kì hay đơn giản mà mỗi người có thể đến giúp một hay nhiều ngày. Khi dựng xong phần khung, những người khéo tay thường ở lại để giúp gia chủ lắp ghép những chi tiết, góc cạnh hay những hoa văn trên các bộ phận của ngôi nhà. Cứ như vậy, trải qua năm tháng, hàng chục, hàng trăm nóc nhà Mường đã được dựng lên, vẽ nên một bức tranh đẹp về một vùng cư trú ấm áp tình người. Có lẽ phần thì do kết cấu mọi nhà sàn giống nhau, phần thì do những ngôi nhà sàn đều có sự chung tay góp sức của mỗi người dân, phần nhiều là vì tình nghĩa hết sức vô tư mà vô cùng nồng đậm như thế nên mỗi người dân Mường Măng khi đi đến bất cứ một ngôi nhà nào trong làng, họ đều thấy ấm cúng, thân thuộc như đang được ở trong chính ngôi nhà của mình. Những làng Mường, những ngôi nhà Mường ẩn hiện giữa núi rừng cũng chính là minh chứng hùng hồn cho câu nói của miệng của người dân nơi đây: “Tình Mường nghĩa xóm”.

Tinh thần cội nguồn và sự đoàn kết của người dân Mường Măng không chỉ biểu hiện trong những công việc lớn lao, cần nhiều sức người, sức của mà nó còn được biểu hiện ở cả những công việc thường ngày như: cấy hái, cày bừa, hay đi nương đi rẫy. Mỗi khi đến vụ mùa, người dân Mường Măng thường đi giúp đỡ lẫn nhau theo hình thức đổi công. Họ đi làm xong hết gia đình này đến gia đình khác. Những gia đình neo đơn lại có nhiều ruộng nương không kịp đi làm đổi công thì có thể đi nhờ những nhà đã làm xong hoặc đang trong lúc nông nhàn đến để làm giúp rồi chỉ cần thiết đãi họ một bữa cơm có gì ăn nấy. Mỗi khi gia đình nào có người ốm đau hay có người trở dạ sinh con thì bà con lối xóm kéo đến để ngồi quanh bếp lửa hỏi han, chăm sóc và chuyện trò với người bệnh hoặc với sản phụ và động viên gia đình họ. Khi gia đình nào sẵn được con thú nhỏ mang về làm thịt thì khi nấu nướng xong bao giờ họ cũng mời gia đình bên cạnh đến cùng ăn, hoặc dành một phần (thường là một bát ô tô) mang đến cho. Khi sẵn được con thú lớn thì gia đình đó sẽ thông báo để người dân chuyển lời cho nhau kéo đến để cùng ăn. Khi đi, người thì mang theo một bát gạo, người thì mang theo một chai rượu. Đến nhà người sẵn được thú họ, giết thịt ăn với nhau vui vẻ và tung bừng như đình đám hội hè. Những thói quen sinh hoạt đó đã trở thành một nét đẹp trong văn hóa của người dân Mường Măng.

Quan niệm chung một nguồn gốc như trên nói rộng ra đã góp phần hình thành nên một cách hành xử đầy tình nghĩa của người dân Mường Măng đối với người dân ở các vùng đất, vùng Mường khác. Ngày xưa, khi làng nào đó tổ chức hội đình thì người dân ở các xã lân cận cũng kéo nhau đến dự. Xa nhất, có nơi phải đi bộ đến nửa ngày đường. Chẳng hạn, lễ hội đình Niềng, xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tổ chức hàng năm thì người dân ở các xã, các huyện lân cận như xã Lạc Lương, Lạc Sỹ (huyện Yên Thủy) hay xã Nuông Dăm (huyện Kim Bôi) phải đi bộ ít nhất nửa ngày mới đến nơi. Để được chứng kiến

và chơi hội đình từ lúc sáng sớm thì có người đã phải đi từ tối hôm trước rồi vào ở nhờ một nhà nào đó ở gần đình Niềng. Đến nơi, họ được đón tiếp nhiệt tình và coi như người trong làng trong xóm với nhau. Đêm đến, họ cùng nhau ngồi bên bếp lửa để nói chuyện, hỏi han về mùa màng, gia đình... Đã có những gia đình trở thành thân nhau và nhận nhau làm anh em từ những cuộc hội ngộ tình cờ như vậy. Đến hôm hội chính thì người dân của nhiều Mường đổ ra đình Niềng chật cứng cả sân. Ở đó, cả khách thập phương lẫn người dân bản địa nhanh chóng hòa vào làm một trong các trò chơi dân gian như: kéo co, ném còn, đi đu, bắn nỏ, cò tướng, đẩy gậy. Tiếng Mường này Mường kia hò hét cổ vũ và cười đùa rất náo nhiệt. Trong ngày diễn ra hội đình thì ai về dự hội cũng được mời ăn bữa cơm do người dân địa phương đã chuẩn bị sẵn. Đến bữa ăn, người dân chia nhau đi mời khách vào ăn cơm. Người các Mường ngồi xen kẽ với nhau để trò chuyện, hỏi thăm, giao lưu và chúc tụng lẫn nhau. Tất cả như hòa vào làm một để tận hưởng không khí của ngày vui, ngày hội của bản Mường. Cứ như vậy mà qua các lễ hội, người dân xích lại gần nhau hơn. Lúc chia tay họ không quên nói với nhau lời hẹn gặp lại vào những lễ hội lần sau. Chính những tình cảm đó đã làm cho người dân ở các vùng Mường có cảm giác yên tâm khi đến một vùng Mường khác. Khi xưa, những gia đình có điều kiện thì ngày nào cũng nấu sẵn một nồi cơm bé để vằn ở bếp lửa (gọi là nồi cơm khách) để có khách đến thì dọn cơm mời khách. Nhà nào khó khăn hơn thì để sẵn một ít khoai sắn hay ngô để có khách đến chơi họ ngồi bên bếp lửa nói chuyện và nướng khoai sắn ăn với nhau. Khi một người có việc đi đến những vùng Mường khác, họ được tiếp đón rất cẩn thận và chu đáo. Thuở còn khó khăn, người ở dưới xuôi gánh hàng lên Mường Măng buôn bán mấy ngày trời. Họ đi buôn khắp mường, tối đâu họ ngủ ở gia đình nhà đó. Họ được người dân đón tiếp rất nhiệt tình. Có những người Kinh từ miền xuôi lên buôn bán nhiều năm mà thành ra quen thân với cả mường. Họ nói được tiếng Mường, hiểu được lối sống, nếp sinh hoạt và tình cảm của người Mường Măng.

Ngoài những biểu hiện trong quan hệ xã hội, quan niệm về con người trong Mo Mường còn ảnh hưởng sâu sắc đến ý thức về quan hệ trong gia đình của người Mường Măng ngày nay. Biểu hiện rõ nhất là quan niệm “sinh ra trước làm anh/ chị” của người Mường. Điều này đã được quy ước ở trong Mo Mường rằng “Sinh trước là anh/ Thanh trước là chị”. Hay quy ước “anh cả là người thay mặt bố mẹ điều hành các công việc trong gia đình (qua chi tiết Cun Cản (em trai) phải nhường chức anh trai là Lang cho Cun Cản) cũng được người Mường Măng gìn giữ cho đến ngày nay.

4. Kết luận

Quan niệm về vũ trụ và nguồn gốc các loài trong Mo Mường đã có ảnh hưởng sâu đậm, xuyên suốt đến cuộc sống của người dân Mường Măng. Nếu như trong quá khứ, Mo Mường và những quan niệm ẩn chứa trong nó chủ yếu giáo dục dân Mường Măng lòng tự hào về nguồn gốc và tinh thần gắn kết cộng đồng thì ngày nay, khi toàn xã hội, trong đó có người Mường Măng đang thực hiện nếp sống mới, Mo Mường còn giúp người Mường Măng có những hành động tích cực trong việc bảo vệ rừng, bảo vệ thiên nhiên - cũng chính là bảo vệ không gian sinh tồn của dân Mường. Bên cạnh đó, Mo Mường còn giúp cho

người Mường Măng hiểu và ứng xử với nhau chan hòa, thân thiện hơn. Điều này đã giúp cho Mo Mường không chỉ có giá trị trong xã hội truyền thống mà còn có giá trị trong cả xã hội đương đại.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hưng Thi (2012), *Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Hưng Thi (1930-2012)*, Hoà Bình.
2. Georges Condominas (2008), *Chúng tôi ăn rừng*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
3. Leopold Cadiere (2010) *Văn hoá, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, t.2, (Đỗ Trinh Huệ dịch), Nxb Thuận Hoá, Thừa Thiên Huế.
4. Jeanne Cuisinier (2007), *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Nguyễn Hải (2011), *Tản Mạn văn hóa Mường Hòa Bình*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
6. Nguyễn Duy Hinh (2007), *Tâm linh Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa & Viện văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
7. Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Hòa Bình (2010), *Mo Mường Hòa Bình*, Hòa Bình.
8. N.I. Iuniculin (2000), *Thần thoại Việt - Mường về cây thế giới và sự hình thành văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Võ Quang Nhơn (1983), *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
10. Bùi Văn Niên (2016), *Khác biệt giữa Mo Đẻ đất đẻ nước trong Mo Mường Mường Măng với Mo Đẻ đất đẻ nước trong Mo Mường Hòa Bình*, Tuyển tập công trình nghiên cứu Ngữ văn học, t.2 (Kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), Hà Nội.
11. Bùi Văn Niên (2017), *Đặc trưng nguyên hợp trong Mo Đẻ đất đẻ nước của dân tộc Mường*, Tuyển tập công trình nghiên cứu Ngữ văn học, t.2 (Kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), Hà Nội.
12. Bùi Văn Niên (2020), *Mo Mường Mường Măng - Từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
13. Lương Quỳnh Khuê (2007), *Bản sắc văn hóa Mường cổ truyền và xu hướng biến đổi hiện nay (qua khảo sát văn hóa Mường ở tỉnh Hòa Bình)*, Đại học Quốc gia Hà Nội - Trung tâm hỗ trợ nghiên cứu châu Á, Hà Nội.
14. Lê Chí Quế (2019), *Văn hóa dân gian - Khảo sát và nghiên cứu*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
15. Bùi Văn Thành (2009), *Những bình diện của cấu trúc Mo Mường*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
16. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Bùi Thiện (2005), *Diễn xướng Mo - Trạng - Mời*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.